

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DX  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày: 22/02/2021.  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX, TỈNH QUẢNG NAM.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Tám.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Sơn Hải và ông Nguyễn Chí Thành.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Luông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện DX.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DX xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Lệ T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn NS, xã DP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

*Bị đơn:* Ông Phan Viết T1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn NS, xã DP, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện lập ngày 07 tháng 9 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Lệ T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND xã Duy Hòa. Vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông T1 không lo làm ăn, thường hay gây gổ, đánh đập, lăng mạ bà, ông bà không còn duy trì quan hệ vợ chồng từ 2 năm

nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị được ly hôn với ông Phan Viết T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Huỳnh Viết T2, sinh ngày 07/02/2005 và Phan Huỳnh Phương N, sinh ngày 15/6/2010. Bà T có nguyện vọng nuôi hai con và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

*Tại văn bản trả lời ý kiến lập ngày 15/12/2020, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Viết T1 trình bày:*

Ông thừa nhận lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi vã. Ông không có đánh đập bà T. Vì tương lai con cái nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà T trình bày là đúng. Nếu ly hôn thì ông có nguyện vọng nuôi 2 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:* Tòa án nhân dân huyện DX thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời gian. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng, bị đơn không tham gia, không chấp hành các quy định pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà T ly hôn với ông T1. Giao cháu 2 cháu Phan Huỳnh Viết T2 và Phan Huỳnh Phương N cho bà T nuôi dưỡng.

*Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện, bản tự khai của bà T
- Bản chính giấy đăng ký kết hôn, 2 bản sao giấy khai sinh
- Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng.
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu.

*Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên:*

Bà Huỳnh Thị Lệ T yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Ông Phan Viết T1 không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng được nuôi 2 con.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Phan Viết T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Phan Viết T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Duy Hòa vào năm 2005 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Vì vậy giữa ông bà phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng trầm trọng nhất là đến năm 2017. Lời khai của bà T và ông T1 có mâu thuẫn nhau nhưng ông bà thừa nhận vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T1 vẫn cố tình trốn tránh, không tham dự các buổi hòa giải thể hiện thái độ xem thường pháp luật, không có T2 chỉ duy trì quan hệ hôn nhân như ông đã trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin ly hôn và thừa nhận không còn tình cảm với ông T1 và không còn duy trì quan hệ vợ chồng từ 2 năm nay. Xét thấy bà T và ông T1 đã có hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của ông bà rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Lệ T.

[3] Về nuôi con chung: Ông Phan Viết T1 và bà Huỳnh Thị Lệ T thống nhất khai vợ chồng có 02 con chung. Ông T1 và bà T đều có nguyện vọng nuôi con. Tại văn bản trình bày ý kiến của các con đều thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện tại, các cháu vẫn đang ở với bà T, ông T1 thường xuyên vắng nhà nên giao con cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án bà Huỳnh Thị Lệ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Lệ T và ông Phan Viết T1.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Phan Huỳnh Viết T2, sinh ngày 07/02/2005 và Phan Huỳnh Phương N, sinh ngày 15/6/2010 cho bà Huỳnh Thị Lệ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Huỳnh Thị Lệ T phải chịu được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 8192 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DX.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/02/2021). Ông Phan Viết T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án

Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Qnam
- VKSND huyện DX.
- Chi cục THADS huyện DX.
- UBND xã DP.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Tám**